

Bản án số: 60/2020/HS-PT

Ngày 11 - 11 - 2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Tuấn Hưng

*Các Thẩm phán:* Ông Vũ Thành Long

Ông Nguyễn Duy Phương

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Hà Thu, là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà:*** Bà Trương Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 72/2020/TLPT-HS ngày 01 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Trần Đình T, Lê Văn T, Nguyễn Văn N và Tống Văn T, do có kháng cáo của các bị cáo trên đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2020/HSST ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

***Các bị cáo có kháng cáo:***

**1. Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1984; sinh, trú quán: Thôn G, xã G, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị L; có vợ là Đỗ Thị L và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 18/02/2005 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”; ngày 24/7/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong bản án ngày 03/10/2015; bị tạm giữ ngày 29/4/2020 đến ngày 08/5/2020 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn, bị cáo hiện tại ngoại và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

**2. Trần Đình T**, sinh năm 1984; sinh, trú quán: Thôn P, xã G, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà

Nguyễn Thị H; có vợ là Nguyễn Thị L (đã ly hôn) và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 22/02/2005 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, ngày 15/5/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 05 năm tù về các tội “Cố ý gây thương tích” và “Gây rối trật tự công cộng”, chấp hành xong bản án ngày 16/6/2015; bị tạm giữ ngày 29/4/2020 đến ngày 08/5/2020 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn, bị cáo hiện tại ngoại và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

**3. Lê Văn T**, sinh năm 1989; sinh, trú quán: Thôn Q, xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Lê Thị H và 03 con; tiền sự: Ngày 05/3/2020 bị Công an xã G xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc; bị tạm giữ ngày 29/4/2020 đến ngày 08/5/2020 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn, bị cáo hiện tại ngoại và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

**4. Nguyễn Văn N**, sinh năm 1980; sinh, trú quán: Thôn T, xã G, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị T; có vợ là Lưu Thị C và 02 con; tiền sự: Ngày 05/3/2020 bị Công an xã G xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc; bị tạm giữ ngày 29/4/2020 đến ngày 08/5/2020 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn, bị cáo hiện tại ngoại và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

**5. Tống Văn T**, sinh năm 1984; tại H, Thái Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; nơi đăng ký hộ khẩu tạm trú và cư trú: Thôn X, xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tống Văn C và bà Bùi Thị T; có vợ là Đoàn Thị L và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 29/4/2020 đến ngày 08/5/2020 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn, bị cáo hiện tại ngoại và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

Trong vụ án còn có 02 bị cáo khác không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 29/4/2020 tại cửa hiệu cầm đồ Đ, địa chỉ: P - G - Y - Hưng Yên do Lê Văn K quản lý, Nguyễn Văn N, Tống Văn T, Nguyễn Ngọc T, Lê Văn K và Lê Văn T cùng rủ nhau vào phòng ngủ của cửa hiệu cầm đồ chơi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức chơi “Liêng”. K lấy bộ bài 52 quân tú lơ khơ để mọi người sử dụng đánh bạc, tất cả cùng ngồi trên giường. Các đối tượng thống nhất mỗi người phải góp gà giữa là 20.000đ và được chia 03 quân bài, người chia bài là người được tổ đầu tiên (số tiền tổ thấp nhất là 20.000đ và cao nhất là 100.000đ), người tiếp theo bên tay phải có quyền theo bằng số tiền người đánh đầu tiên và có quyền tổ thêm nhưng không quá 100.000đ hoặc úp bài và sẽ mất số tiền đã góp trước đó. Những người chơi cược đến khi nào số tiền cược của tất cả những người theo bằng nhau thì tất cả hạ bài. Bài được tính theo thứ tự Sáp, Liêng, Ảnh và cuối cùng nhỏ nhất là điểm. Sáp được tính theo thứ tự từ ba con Át và nhỏ nhất là ba con Hai; Liêng được tính theo thứ tự Quy, Ka, Át và nhỏ nhất là Át, Hai, Ba; Ảnh được tính là có ba con bài từ Ji đến Ka nhưng không liên nhau. Ảnh và Liêng được tính theo chất theo thứ tự Rô, Cơ, Tép và nhỏ nhất là Bích. Điểm được tính bằng tổng số điểm trên ba lá bài (nếu lớn hơn mười thì lấy số hàng đơn vị). Trường hợp có từ 2 bài Liêng, Ảnh, Điểm bằng nhau thì bài của ai có chất lớn nhất thì bài đó thắng. Bài của ai lớn hơn thì thắng và được số tiền mà tất cả những người còn lại đã cược, góp. Năm người chơi được khoảng 10 phút thì Đỗ Văn N, sau đó là Trần Đình T đến và chơi cùng mọi người. Tất cả chơi đến khoảng 13 giờ 00 phút thì bị tổ công tác Công an huyện Y, tỉnh Hưng Yên kiểm tra phát hiện, bắt quả tang.

Nguyễn Văn N có 1.370.000đ, sử dụng 870.000đ vào việc đánh bạc. Đến khi bị bắt quả tang, N thua 590.000đ, còn lại 280.000đ. Còn 500.000đ trên người không sử dụng đánh bạc.

Tống Văn T có 1.700.000đ sử dụng hết vào việc đánh bạc. Đến khi bị bắt quả tang thắng 170.000đ, để tại chiếu bạc 1.870.000đ.

Nguyễn Ngọc T có 10.500.000đ, sử dụng 1.000.000đ vào việc đánh bạc. Đến khi bị bắt quả tang thắng 280.000đ. Còn 9.500.000đ không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Trần Đình T có 500.000đ sử dụng hết vào việc đánh bạc. Đến khi bị bắt quả tang thắng 3.580.000đ, để tại chiếu bạc số tiền 4.080.000đ.

Lê Văn K có 13.850.000đ, sử dụng 13.150.000đ vào việc đánh bạc. Đến khi bị bắt quả tang thua 3.340.000đ, để tại chiếu bạc số tiền 9.810.000đ. Còn 700.000đ không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Lê Văn T có 900.000đ sử dụng hết vào việc đánh bạc. Đến khi bị bắt quả tang thắng 300.000đ, để tại chiếu bạc số tiền 1.100.000đ, cất 100.000đ vào trong người.

Đỗ Văn N có 1.800.000đ sử dụng hết vào việc đánh bạc. Đến khi bị bắt quả tang thua 400.000đ, để tại chiếu bạc số tiền 1.400.000đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2020/HSST ngày 20 tháng 8 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Trần Đình T, Lê Văn T, Nguyễn Văn N và Tống Văn T đều phạm Tội đánh bạc.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; 38; 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Văn N. Xử phạt bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Văn N mỗi bị cáo 07 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt các bị cáo đi thụ hình, các bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/4/2020 đến ngày 08/5/2020.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; 38; 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thụ hình, bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/4/2020 đến ngày 08/5/2020.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; 38; 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Đình T. Xử phạt bị cáo Trần Đình T 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thụ hình, các bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/4/2020 đến ngày 08/5/2020.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; 38; 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Tống Văn T. Xử phạt bị cáo Tống Văn T 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thụ hình, bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/4/2020 đến ngày 08/5/2020.

Ngoài ra bản án còn quyết định về tội danh, điều luật, hình phạt đối với bị cáo Lê Văn K và Đỗ Văn N, quyết định về biện pháp tư pháp, án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo đã nộp đơn kháng cáo gồm: Lê Văn T nộp ngày 29/8/2020, Nguyễn Ngọc T ngày 31/8/2020, Trần Đình T ngày 03/9/2020 và Tống Văn T ngày 08/9/2020. Các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lê Văn T và Nguyễn Văn N xin rút toàn bộ kháng cáo. Bị cáo Trần Đình T thay đổi bổ sung kháng cáo xin được giảm nhẹ hình

phạt; bị cáo Tổng Văn T giữ nguyên kháng cáo xin được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm xác định: Do các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lê Văn T và Nguyễn Văn N xin rút toàn bộ kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo trên.

Đối với bị cáo Trần Đình T, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội Đánh bạc là đúng người, đúng tội, phù hợp các quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Đối với bị cáo Tổng Văn T, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo T có nộp thêm đơn xin cải tạo tại địa phương và sổ đăng ký tạm trú, đây là tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1]. Về tố tụng: Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lê Văn T và Nguyễn Văn N xin rút toàn bộ kháng cáo. Xét thấy các bị cáo xin rút đơn kháng cáo tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử xem xét quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo.

Bị cáo Trần Đình T kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật; bị cáo Tổng Văn T kháng cáo quá hạn nhưng đã được Tòa án cấp phúc thẩm xét chấp nhận kháng cáo quá hạn, nên kháng cáo của các bị cáo là hợp pháp, được cấp phúc thẩm xem xét.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Trần Đình T và Tổng Văn T nhận tội và khai diễn biến hành vi phạm tội của các bị cáo và đồng phạm như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu; lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hoàn toàn phù hợp lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và trước cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án; đồng thời phù hợp lời khai của các bị cáo đồng phạm đã bị xét xử không kháng cáo, không bị kháng nghị; phù hợp biên bản bắt quả tang đám bạc và vật chứng được thu giữ, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận: Khoảng 11 giờ ngày 29/4/2020, tại phòng ngủ của K ở hiệu cầm đồ Đ có Nguyễn Văn N, Tổng Văn T, Nguyễn Ngọc T, Trần Đình T, Lê Văn K, Lê Văn T và Đỗ Văn N chơi đánh bạc bằng hình thức chơi Liêng”, tổng số tiền các bị cáo dùng để chơi bạc là 19.920.000đ. Các bị cáo đều là người có đầy

đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nên hành vi chơi Liêng, sát phạt nhau, được thua bằng tiền của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc". Bởi hành vi trên, các bị cáo Trần Đình T và Tống Văn T và các đồng phạm khác đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và kết tội đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của các bị cáo Trần Đình T và Tống Văn T, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng và gây mất trật tự trị an tại địa phương nên khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nhân thân, vai trò của các bị cáo; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Trần Đình T 01 năm tù, bị cáo Tống Văn T 06 tháng tù.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với bị cáo Trần Đình T có đơn xin xác nhận, trình bày điều kiện, hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ đã ly hôn, bị cáo đang nuôi ba con nhỏ, mẹ bị cáo ốm đau bệnh tật, em bị cáo bị thiếu năng trí tuệ, có xác nhận của chính quyền địa phương (BL số 468) là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng cho bị cáo được hưởng nên có căn cứ để Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Tống Văn T, tuy là đồng phạm với các bị cáo trên nhưng bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo phạm tội có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, không phải người chủ mưu, cầm đầu. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo T có nộp thêm đơn xin cải tạo tại địa phương và sổ đăng ký tạm trú. Trong đơn xin cải tạo tại địa phương bị cáo có trình bày điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo đang nuôi con nhỏ, vợ bị bệnh tim và tuyến giáp không lao động được, bị cáo là lao động chính và duy nhất trong gia đình. Tại cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận định bị cáo T không có nơi cư trú rõ ràng, tuy nhiên sau đó bị cáo đã nộp bổ sung sổ đăng ký tạm trú, thể hiện bị cáo đã tạm trú tại xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên từ năm 2016 đến nay. Đây được xem là các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cấp phúc thẩm sẽ áp dụng thêm cho bị cáo. Xét bị cáo T có tình tiết giảm nhẹ mới, có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện cho hưởng án treo chịu sự giám sát, giáo dục của gia đình và chính quyền nơi cư trú. Do vậy, kháng cáo của bị cáo T có căn cứ chấp nhận để sửa bản án hình sự sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định của Điều 65 Bộ luật Hình sự vẫn đảm bảo tính nghiêm minh và thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tại phiên tòa có căn cứ, được chấp nhận một phần.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lê Văn T và Nguyễn Văn N xin rút kháng cáo; các bị cáo Trần Đình T và Tống Văn T kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 342; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lê Văn T và Nguyễn Văn N phạm tội Đánh bạc.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2020/HSST ngày 20/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lê Văn T và Nguyễn Văn N có hiệu lực pháp luật kể từ ngày quyết định đình chỉ phúc thẩm.

2. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Đình T và Tống Văn T, sửa quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2020/HSST ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên đối với các bị cáo như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Đình T và Tống Văn T phạm tội Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; 38; 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Đình T. Xử phạt bị cáo Trần Đình T 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/4/2020 đến ngày 08/5/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Tống Văn T. Xử phạt bị cáo Tống Văn T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Tống Văn T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể

quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Án phí: Các bị cáo Trần Đình T và Tống Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Vụ KTGD I - TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng HSNVCS-CA tỉnh Hưng Yên;
- TAND huyện Y;
- VKSND huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP, Tòa HC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tuấn Hưng**